

Bản án số: 220/2024/DS-ST
Ngày: 09-09-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thanh Nga

2. Bà Lê Thị Kim Lê

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Uyên Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận X -
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị
Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/DSST ngày
11 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 746/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024, Quyết định
hoãn phiên tòa số: 863/2024/QĐST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Mua Bán Nợ W(D).

Địa chỉ: 473 Đ, Phường X, Quận C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông M– Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Ý Q, sinh năm 2001

(Theo Giấy ủy quyền số X/2023/UQ-WDTC ngày 22 tháng 11 năm 2023)

Bị đơn: Ông Lư Tiến T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 266/29a B, Phường I, Quận X, TP. H.

(Ông Nguyễn Ý Q và ông Lư Tiến T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 của Nguyên đơn Công ty TNHH Mua
Bán Nợ W(D) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền
của nguyên đơn ông Nguyễn Ý Q trình bày:

Ngày 25/11/2020, Công ty tài chính TNHH MTV C và ông Lư Tiến T ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1804987 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Lư Tiến T, cụ thể: Khoản vay: 30.000.000 đồng và bảo hiểm: 1.650.000 đồng; Thời hạn cho vay: 36 tháng; Ngày thanh toán: ngày 20 (đương lịch) hàng tháng; Ngày thanh toán đầu tiên: 20/12/2020; Lãi suất: 55%/năm (tương ứng 4,58%/ tháng); Lãi quá hạn: 82,5%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống.

Công ty tài chính TNHH MTV C đã giải ngân số tiền vay vào tài khoản cá nhân của ông Lư Tiến T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Tuy nhiên sau khi được giải ngân, ông Lư Tiến T chỉ thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV C với số tiền 16.419.198 đồng, trong đó số tiền gốc đã thanh toán là 4.289.364 đồng, số tiền lãi đã thanh toán là 12.129.834 đồng. Từ ngày 25/11/2021 cho đến nay ông Lư Tiến T không thanh toán Công ty tài chính TNHH MTV C theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, mặc dù Công ty đã tiến hành liên hệ qua điện thoại, cũng như đã gửi thư thông báo và yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng đến nay ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Ngày 20/6/2022, Công ty TNHH Mua Bán Nợ W đã ký hợp đồng chuyển nhượng các khoản phải thu số 2731/2022/TTCN/MAFC-WELCOME với Công ty tài chính TNHH MTV C trong đó bao gồm khoản nợ của ông Lư Tiến T.

Vì vậy, Công ty TNHH Mua Bán Nợ W yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn thanh toán ngay một lần cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2024 là **82.505.256 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi hai triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng*), cụ thể: Nợ gốc là 27.360.636 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng*); Nợ lãi trong hạn là: 46.220.959 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng*), Phạt chậm trả là 8.923.661 đồng (*Bằng chữ: Tám triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi một đồng*), và yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2024 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1804987 ngày 25/11/2020.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ý Q có đơn xin vắng mặt và gửi bản ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Lư Tiến T vắng mặt không rõ lý do

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên phần yêu cầu Nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

[1.1] Công ty TNHH Mua Bán Nợ W khởi kiện ông T yêu cầu thanh toán số tiền vay còn thiếu theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nên có cơ sở xác định tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ đơn khởi kiện của Nguyên đơn; Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng có ghi địa chỉ cư trú của bị đơn tại: 266/29A B, Phường Y, Quận X, TP. Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an Phường Y, Quận X thì ông Lư Tiến T, sinh năm 1982, có hộ khẩu thường trú 266/29A B, Phường Y, Quận X, TP. H, và hiện đang không cư trú tại địa phương do đi làm xa, thì thoảng có trở về địa phương. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú Quận X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Nguyễn Ý Q vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Lư Tiến T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng

cứ, vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2024 là 82.505.256 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi hai triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng*), cụ thể: Nợ gốc là 27.360.636 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng*); Nợ lãi trong hạn là: 46.220.959 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng*); Phạt chậm trả là 8.923.661 đồng (*Bằng chữ: Tám triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi một đồng*) và yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2024 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1804987 ngày 25/11/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1804987 ký kết ngày 25/11/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn, chứng từ giải ngân, tóm tắt sao kê và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền: 31.650.000 đồng (Khoản vay: 30.000.000 đồng và bảo hiểm: 1.650.000 đồng). Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 82.505.256 đồng (gồm cả gốc và lãi), thời hạn vay: 36 tháng, Lãi suất: 55%/năm (tương ứng 4,58%/ tháng), mục đích vay: Vay tiêu dùng; ngày thanh toán: ngày 20 (dương lịch) hàng tháng, ngày thanh toán đầu tiên: 20/12/2020, số tiền trả hàng tháng: từ kỳ ngày 20/12/2020 đến 20/10/2023 mỗi tháng trả 1.823.533 đồng, kỳ cuối cùng vào ngày 20/11/2023 trả 663.224 đồng.

Quá trình thực hiện bị đơn đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1804987 ngày 25/11/2020 và Bản điều khoản và điều kiện cho vay mà bị đơn đã ký. Khoản tín dụng của bị đơn đã bị quá hạn thanh toán kể từ ngày 25/11/2021.

[3.2] Theo thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1804987 ngày 25/11/2020 và Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty Tài chính TNHH MTV C thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Căn cứ Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện

cho vay của Công ty Tài chính TNHH MTV C thì nguyên đơn có quyền đơn phương chấm dứt cho vay, thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn trong trường hợp bị đơn vi phạm Hợp đồng tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện cho vay.

Ngày 20/6/2022, Công ty TNHH Mua Bán Nợ W đã ký hợp đồng chuyển nhượng các khoản phải thu số 2731/2022/TTCN/MAFC-W với Công ty tài chính TNHH MTV C, theo Thỏa thuận tại hợp đồng mua bán nợ, ông ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam) đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ W nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng trong đó bao gồm khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 1804987 ngày 25/11/2020 Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, Công ty TNHH Mua Bán Nợ W có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Do đó, nguyên đơn - Công ty TNHH Mua Bán Nợ W yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2024 là 82.505.256 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi hai triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng*), cụ thể: Nợ gốc là 27.360.636 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng*); Nợ lãi trong hạn là: 46.220.959 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng*); Phạt chậm trả là 8.923.661 đồng (*Bằng chữ: Tám triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi một đồng*) là phù hợp với các điều khoản trong theo Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 1804987 ngày 25/11/2020 đã ký kết, phù hợp Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty Tài chính TNHH MTV C đính kèm theo Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 1804987 ngày 25/11/2020 và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ 10/9/2024 bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lư Tiến T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.125.263 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng*).

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên Công ty TNHH Mua Bán Nợ W không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 68; khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 280, 351, 357, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 và Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ các điều 7, 8 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua Bán Nợ W(D):

Buộc ông Lư Tiến T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ W(D) số tiền tổng cộng là **82.505.256 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi hai triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng*), cụ thể: Nợ gốc là 27.360.636 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng*); Nợ lãi trong hạn là: 46.220.959 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng*); Phạt chậm trả là 8.923.661 đồng (*Bằng chữ: Tám triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi mốt đồng*) trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2024 đến khi thi hành án xong, ông Lư Tiến T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Lư Tiến T phải chịu án phí là 4.125.263 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng*).

2.2. Hoàn trả cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ W(D) số tiền tạm ứng án phí là 1.739.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số AA/2023/0042809 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, TP. H.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- VKS. TP.H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án Quận X;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Quỳnh